

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI**

Số: 11/2022/TT-BLĐTBXH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2022

THÔNG TƯ

HƯỚNG DẪN MỘT SỐ NỘI DUNG THỰC HIỆN HỖ TRỢ VIỆC LÀM BỀN VỮNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Việc làm;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.
2. Người lao động sinh sống trên các địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.
3. Trung tâm dịch vụ việc làm.
4. Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo.
5. Cơ quan quản lý nhà nước các cấp.
6. Cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 3. Nội dung hỗ trợ

1. Hỗ trợ xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc; quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác, gồm:
 - a) Đảm bảo cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thông tin.
 - b) Thiết kế, tổ chức cơ sở dữ liệu về việc tìm người - người tìm việc, cơ sở dữ liệu về người lao động (sau đây gọi là cơ sở dữ liệu), hệ thống thông tin quản lý lao động.
 - c) Triển khai, xây dựng, phát triển ứng dụng điện tử đăng ký việc tìm người - người tìm việc; đăng ký việc làm.
 - d) Thu thập, chuẩn hóa, nhập dữ liệu.
 - đ) Lưu trữ, bảo mật, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý lao động.
 - e) Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, tổ chức bộ máy nhân sự, vận hành, quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý lao động.
 - g) Vận hành, hiệu chỉnh cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý lao động.
 - h) Các hoạt động khác theo quy định pháp luật.
2. Hỗ trợ giao dịch việc làm, gồm:
 - a) Tổ chức các phiên giao dịch việc làm.
 - b) Khảo sát, thu thập, thống kê thông tin thị trường lao động phục vụ tổ chức các hoạt động giao dịch việc làm.

c) Thông tin, tuyên truyền nhằm phổ biến thông tin thị trường lao động và thu hút người lao động, người sử dụng lao động tham gia các hoạt động giao dịch việc làm.

d) Tập huấn, hướng dẫn tổ chức các giao dịch việc làm.

đ) Xây dựng cẩm nang, sổ tay hướng dẫn, sổ tay nghiệp vụ về việc làm, thị trường lao động.

3. Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động

a) Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin phục vụ phân tích, dự báo thị trường lao động.

b) Xây dựng báo cáo/chuyên đề phân tích dự báo, xây dựng mô hình dự báo thị trường lao động.

c) Tổ chức hội thảo phục vụ phân tích, dự báo thị trường lao động và công bố kết quả phân tích, dự báo thị trường lao động.

d) Xuất bản các ấn phẩm phân tích, dự báo thị trường lao động.

đ) Tập huấn, hướng dẫn thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động.

4. Hỗ trợ kết nối việc làm thành công: Hỗ trợ kết nối việc làm thành công (có giao kết hợp đồng lao động) cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

Điều 4. Phương thức hỗ trợ

1. Hỗ trợ xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc; quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác thực hiện theo quy định tại Chương II, Chương III Thông tư này và theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

2. Hỗ trợ giao dịch việc làm; thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

3. Hỗ trợ kết nối việc làm thành công: Thực hiện thông qua cơ chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Điều 5. Nguyên tắc thực hiện

Thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc; quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác phải đảm bảo theo nguyên tắc sau:

1. Thu thập thông tin đảm bảo tính kịp thời, chính xác, trung thực, khoa học, khách quan và kế thừa.

2. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu phải tuân thủ các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, lưu trữ điện tử, an ninh, an toàn, bảo vệ dữ liệu, bảo mật thông tin và các quy định khác có liên quan; thông tin, dữ liệu trao đổi được mã hoá, đảm bảo tính toàn vẹn, xác thực được với cơ sở dữ liệu dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có liên quan đến chính sách lao động, việc làm.

3. Việc chia sẻ thông tin, dữ liệu tuân thủ quy định của pháp luật trong việc tạo lập, quản lý và sử dụng dữ liệu; đảm bảo không làm ảnh hưởng tới quyền lợi và trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan; không được xâm phạm quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, bí mật kinh doanh trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Việc xây dựng, kết nối, chia sẻ dữ liệu thông tin giữa cơ sở dữ liệu về việc tìm người - người tìm việc; cơ sở dữ liệu về người lao động thực hiện theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số trong cơ quan nhà nước; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1371/QĐ-LĐTBXH ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Bộ chuẩn trao đổi dữ liệu điện tử lĩnh vực Lao động, Người có công và Xã hội.

Chương II

XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ VIỆC TÌM NGƯỜI - NGƯỜI TÌM VIỆC

Điều 6. Cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc

1. Cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc là cơ sở dữ liệu chuyên ngành, tập hợp thông tin về người đang tìm việc làm và nhu cầu về việc làm mong muốn, thông tin về người sử dụng lao động đang có nhu cầu tuyển dụng lao động và vị trí việc làm mà người sử dụng lao động đang tuyển, được số hóa, lưu trữ, quản lý bằng cơ sở hạ tầng thông tin, được kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu khác theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng, quản lý thống nhất bao gồm:

a) Cơ sở dữ liệu việc tìm người.

b) Cơ sở dữ liệu người tìm việc.

Điều 7. Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người

1. Cơ sở dữ liệu việc tìm người bao gồm các thông tin về người sử dụng lao động, vị trí việc làm mà người sử dụng lao động có nhu cầu tuyển dụng.

2. Thông tin trong cơ sở dữ liệu việc tìm người được xác lập từ các nguồn sau:

a) Thông tin đăng ký nhu cầu tuyển dụng lao động của người sử dụng lao động thông qua ứng dụng điện tử đăng ký việc tìm người - người tìm việc hoặc các ứng dụng khác có liên quan.

b) Thông tin việc tìm người được số hóa, chuẩn hóa từ nghiệp vụ thu thập, cập nhật thông tin về nhu cầu tuyển dụng lao động của người sử dụng lao động, nghiệp vụ về dịch vụ việc làm.

c) Thông tin được kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm xã hội.

3. Thông tin trong cơ sở dữ liệu việc tìm người được điều chỉnh, cập nhật từ các nguồn sau:

a) Kết quả của quá trình thực hiện các thủ tục, nghiệp vụ về thông tin thị trường lao động, dịch vụ việc làm.

b) Đề xuất sửa đổi, bổ sung của các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi có thay đổi hoặc phát hiện các thông tin trong cơ sở dữ liệu việc tìm người chưa đầy đủ, chính xác.

c) Từ các cơ sở dữ liệu khác có liên quan khi có thay đổi.

4. Mẫu biểu: Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này hoặc Mẫu số 03/PLI, 03a/PLI ban hành kèm theo Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm (sau đây viết tắt là Nghị định số 23/2021/NĐ-CP).

5. Tần suất thu thập, cập nhật thông tin: Thường xuyên.

6. Trung tâm dịch vụ việc làm tổ chức thực hiện thu thập, cập nhật, quản lý thông tin trong cơ sở dữ liệu việc tìm người để phục vụ kết nối cung - cầu lao động ở địa phương.

Điều 8. Xây dựng cơ sở dữ liệu người tìm việc

1. Cơ sở dữ liệu người tìm việc gồm các thông tin cơ bản nhân khẩu học, trình độ giáo dục phổ thông, trình độ và lĩnh vực giáo dục - đào tạo, kỹ năng về giáo dục nghề nghiệp, kinh nghiệm làm việc và nhu cầu về việc làm cần tìm của người lao động đang tìm việc làm.

2. Thông tin trong cơ sở dữ liệu người tìm việc được xác lập từ các nguồn sau:

a) Thông tin đăng ký tìm việc làm của người lao động thông qua ứng dụng điện tử đăng ký việc tìm người - người tìm việc.

b) Thông tin người tìm việc được số hóa, chuẩn hóa từ nghiệp vụ thu thập, cập nhật thông tin việc tìm người - người tìm việc, nghiệp vụ về dịch vụ việc làm.

c) Thông tin được kết nối, chia sẻ, xác thực với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác.

3. Thông tin trong cơ sở dữ liệu người tìm việc được điều chỉnh, cập nhật từ các nguồn sau:

a) Kết quả của quá trình thực hiện các thủ tục, nghiệp vụ về thông tin thị trường lao động, dịch vụ việc làm.

b) Đề xuất sửa đổi, bổ sung của các cơ quan, tổ chức, người lao động khi có thay đổi hoặc phát hiện các thông tin trong cơ sở dữ liệu người tìm việc chưa đầy đủ, chính xác.

c) Từ các cơ sở dữ liệu khác có liên quan khi có thay đổi.

4. Mẫu biểu: Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này hoặc Mẫu số 01/PLI, 01a/PLI ban hành kèm theo Nghị định số 23/2021/NĐ-CP.

5. Tần suất thu thập, cập nhật: Thường xuyên.

6. Trung tâm dịch vụ việc làm thực hiện thu thập, cập nhật, quản lý thông tin trong cơ sở dữ liệu người tìm việc để phục vụ kết nối cung - cầu lao động ở địa phương.

Điều 9. Khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc

1. Trung tâm dịch vụ việc làm khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc phục vụ nghiệp vụ thông tin thị trường lao động, dịch vụ việc làm, kết nối cung - cầu lao động.

2. Trung tâm dịch vụ việc làm cập nhật, theo dõi, quản lý kết quả kết nối việc làm thành công giữa người lao động và người sử dụng lao động theo Mẫu số 04/PLI ban hành kèm theo Nghị định số 23/2021/NĐ-CP.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về việc làm được phép khai thác và sử dụng dữ liệu phục vụ các hoạt động quản lý nhà nước về lao động, việc làm theo thẩm quyền.

Điều 10. Quản lý cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc

1. Nội dung quản lý

a) Xây dựng, vận hành cơ sở hạ tầng kỹ thuật, phần mềm cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc nhằm đảm bảo tính chính xác, sự ổn định thông suốt trên toàn hệ thống.

b) Cập nhật, xử lý và tích hợp thông tin vào các cơ sở dữ liệu liên quan.

c) Quản lý quyền cập nhật thông tin trong cơ sở dữ liệu.

d) Theo dõi, giám sát tình hình sử dụng cơ sở dữ liệu.

đ) Hỗ trợ vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu.

2. Quản lý tài khoản, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu về việc tìm người - người tìm việc

a) Tài khoản quản trị cơ sở dữ liệu về việc tìm người - người tìm việc tại trung ương do Trung tâm Quốc gia về Dịch vụ việc làm (thuộc Cục Việc làm, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) quản lý.

b) Tổ chức, cá nhân được giao tài khoản chịu trách nhiệm bảo mật tài khoản, bảo mật dữ liệu và quản lý, sử dụng tài khoản theo đúng mục đích, chức năng quy định.

Chương III

QUẢN LÝ LAO ĐỘNG GẮN VỚI CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ VÀ CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU KHÁC

Điều 11. Đối tượng quản lý

Đối tượng quản lý là người lao động từ đủ 15 tuổi trở lên đang cư trú tại địa bàn.

Điều 12. Xây dựng cơ sở dữ liệu về người lao động

1. Cơ sở dữ liệu về người lao động là cơ sở dữ liệu chuyên ngành, tập hợp các thông tin cơ bản về nhân khẩu học, việc làm, quan hệ lao động của người lao động, được số hóa, lưu trữ, quản lý bằng cơ sở hạ tầng thông tin, được kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở dữ liệu về người lao động bao gồm các thông tin cơ bản của người lao động, trình độ, kỹ năng lao động, tình trạng việc làm, quan hệ lao động, tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động.

3. Thông tin trong cơ sở dữ liệu về người lao động được xác lập từ các nguồn sau:

a) Thông tin đăng ký lao động của người lao động thông qua ứng dụng điện tử đăng ký việc làm hoặc các ứng dụng khác có liên quan.

b) Thông tin về người lao động được số hóa, chuẩn hóa từ nghiệp vụ thu thập, cập nhật thông tin về lao động.

c) Thông tin được kết nối, chia sẻ, đối soát với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác.

4. Thông tin trong cơ sở dữ liệu về người lao động được cập nhật, điều chỉnh từ các nguồn sau:

a) Kết quả của quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, nghiệp vụ liên quan đến quản lý lao động.

b) Đề xuất sửa đổi, bổ sung của cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thay đổi hoặc phát hiện các thông tin trong cơ sở dữ liệu về người lao động chưa đầy đủ, chính xác.

c) Từ các cơ sở dữ liệu khác có liên quan khi có thay đổi.

5. Mẫu biểu: Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Phương thức thực hiện

a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện những việc sau:

- Xây dựng kế hoạch tổ chức thu thập, cập nhật, chỉnh sửa, tổng hợp thông tin về người lao động của địa phương.

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện để chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện việc thu thập, cập nhật, chỉnh sửa thông tin về người lao động cư trú trên địa bàn quản lý.

- Tổng hợp, đồng bộ cơ sở dữ liệu về người lao động theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để xây dựng cơ sở dữ liệu về người lao động trong phạm vi cả nước.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc thu thập, cập nhật, chỉnh sửa thông tin về người lao động cư trú trên địa bàn quản lý.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào nguồn lực, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp trên và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để thực hiện:

- Lập kế hoạch và tổ chức thu thập, cập nhật, chỉnh sửa thông tin về người lao động cư trú trên địa bàn quản lý; xử lý các vấn đề phát sinh.

- Thiết lập cơ chế đối soát, cập nhật, chia sẻ dữ liệu người lao động thu thập với dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác là cơ sở để xác thực hoàn thiện và cung cấp số lao động điện tử của người lao động.

Điều 13. Khai thác, sử dụng dữ liệu người lao động

1. Các thông tin từ cơ sở dữ liệu về người lao động được sử dụng để làm cơ sở quản lý lao động và thiết lập sổ lao động điện tử cho người lao động.
2. Cơ quan quản lý nhà nước về lao động, việc làm ở trung ương, địa phương khai thác, sử dụng dữ liệu phục vụ các hoạt động quản lý nhà nước về lao động theo thẩm quyền.
3. Người lao động sử dụng sổ lao động điện tử để thực hiện các giao dịch, thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, tuyển dụng lao động, tham gia các chính sách hỗ trợ về lao động, việc làm và các hoạt động của cơ quan liên quan khác.
4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu người lao động qua Cổng thông tin điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Cổng thông tin điện tử của địa phương và các hình thức khác do cơ quan có thẩm quyền cung cấp.

Điều 14. Nội dung quản lý cơ sở dữ liệu người lao động

1. Xây dựng, vận hành cơ sở hạ tầng kỹ thuật, phần mềm cơ sở dữ liệu người lao động nhằm đảm bảo tính chính xác, sự ổn định thông suốt trên toàn hệ thống.
2. Cập nhật, xử lý và tích hợp thông tin vào các cơ sở dữ liệu liên quan.
3. Quản lý quyền cập nhật thông tin trong cơ sở dữ liệu.
4. Theo dõi, giám sát tình hình sử dụng cơ sở dữ liệu.
5. Hỗ trợ vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của Trung tâm dịch vụ việc làm

1. Thực hiện số hóa nghiệp vụ về dịch vụ việc làm, thông tin thị trường lao động đáp ứng nhu cầu thu thập, cập nhật, khai thác, quản lý và kết nối, báo cáo chia sẻ cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc.
2. Tổ chức thu thập, cập nhật và báo cáo dữ liệu thuộc phạm vi quản lý đảm bảo đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ việc làm bền vững trên địa bàn.

b) Kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá, báo cáo định kỳ 06 tháng (trước ngày 15 tháng 6), hằng năm (trước ngày 15 tháng 12) kết quả thực hiện về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Chỉ đạo các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp

a) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các nội dung hỗ trợ việc làm bền vững trên địa bàn.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thu thập, cập nhật thông tin về người lao động theo quy định tại Thông tư này.

c) Báo cáo tình hình quản lý, khai thác sử dụng dữ liệu về lao động gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội khi có yêu cầu của cơ quan quản lý.

Điều 17. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Cục Việc làm có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện các nội dung quy định tại Điều 3 Thông tư này.

2. Trung tâm thông tin có trách nhiệm phối hợp với Cục Việc làm và các đơn vị liên quan hướng dẫn việc xây dựng và triển khai cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc; quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2022.

2. Trong thời gian triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, việc thu thập, cập nhật thông tin về nhu cầu tuyển dụng lao động của người sử dụng lao động, về người lao động nhằm mục đích xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người, cơ sở dữ liệu về người lao động thực hiện theo quy định tại Thông tư này, không áp dụng theo Thông tư số 01/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động.

3. Trường hợp các văn bản trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để kịp thời xem xét, điều chỉnh./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ;
- Bộ LĐTBXH: các đơn vị liên quan, Trung tâm thông tin;
- Lưu: VT, CVL (10 bản).

Lê Văn Thanh



PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

TT	Tên mẫu
Mẫu số 01	Phiếu thông tin nhu cầu tuyển dụng lao động của người sử dụng lao động
Mẫu số 02	Phiếu thông tin người tìm việc
Mẫu số 03	Phiếu thông tin về người lao động

Mẫu số 01

PHIẾU THÔNG TIN NHU CẦU TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

1. Thông tin người sử dụng lao động	
Tên người sử dụng lao động:.....	
Mã số đăng ký/Mã số thuế/CMND/CCCD:.....	
Loại hình: ☐ Doanh nghiệp Nhà nước ☐ Doanh nghiệp ngoài nhà nước ☐ Doanh nghiệp FDI ☐ Cơ quan, đơn vị nhà nước ☐ Hộ kinh doanh ☐ Cá nhân	
Địa chỉ: Tỉnh Huyện..... Xã.....	
Địa chỉ cụ thể:.....	
☐ KCN/KKT:.....	
Số điện thoại:.....	Email:.....
Ngành sản xuất - kinh doanh chính*:	
☐ Nông, lâm nghiệp và thủy sản ☐ Khai khoáng ☐ Công nghiệp, chế biến, chế tạo ☐ Xây dựng ☐ SX và phân phối điện, khí đốt, hơi nước ☐ Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý nước	

và điều hòa không khí	thải, rác thải
☐ Vận tải, kho bãi	☐ Dịch vụ lưu trú và ăn uống
☐ Thông tin và truyền thông	☐ Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm
☐ Hoạt động kinh doanh bất động sản	☐ Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ
☐ Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	☐ Giáo dục và đào tạo
☐ Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	☐ Nghệ thuật, vui chơi và giải trí
☐ Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	☐ Hoạt động của ĐCS, tổ chức CT-XH, QLNN, ANQP, BDXH bắt buộc
☐ Hoạt động làm thuê và các công việc trong hộ gia đình	☐ Hoạt động, dịch vụ khác
	☐ Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế

2. Thông tin về nhu cầu tuyển dụng lao động

Tên công việc:.....		Số lượng tuyển:.....
Mô tả công việc:.....		
Mã nghề ¹ :		
Cấp 1:.....	Cấp 2:.....	
Cấp 3:.....	Cấp 4:.....	
Chức vụ*: ☐ Nhân viên ☐ Quản lý ☐ Lãnh đạo		
☐ Khác (ghi rõ):		
Trình độ học vấn*: ☐ Chưa tốt nghiệp tiểu học ☐ Tốt nghiệp tiểu học		
☐ Tốt nghiệp Trung học cơ sở ☐ Tốt nghiệp Trung học phổ thông		
Trình độ CMKT*:	☐ Chưa qua đào tạo	Chuyên ngành đào tạo:
	☐ Chứng chỉ nghề dưới 3 tháng	
	☐ Trung cấp	
	☐ Đại học	
	☐ Tiến sĩ	
Trình độ khác	1:.....	
	2:.....	
Trình độ kỹ năng nghề:		Bậc:

	Ngoại ngữ 1: Chứng chỉ
Trình độ ngoại ngữ	Khả năng sử dụng: ☐ Tốt ☐ Khá ☐ Trung bình
	Ngoại ngữ 2: Chứng chỉ
	Khả năng sử dụng: ☐ Tốt ☐ Khá ☐ Trung bình
Trình độ tin học	☐ Tin học văn phòng.....
	Khả năng sử dụng: ☐ Tốt ☐ Khá ☐ Trung bình
	☐ Khác:
	Khả năng sử dụng: ☐ Tốt ☐ Khá ☐ Trung bình
Kỹ năng mềm	☐ Giao tiếp ☐ Thuyết trình ☐ Quản lý thời gian
	☐ Quản lý nhân sự ☐ Tổng hợp, báo cáo ☐ Thích ứng
	☐ Làm việc nhóm ☐ Làm việc độc lập ☐ Chịu được áp lực công việc
	☐ Theo dõi giám sát ☐ Tư duy phản biện
	☐ Kỹ năng mềm khác:
Yêu cầu kinh nghiệm:	
☐ Không yêu cầu; ☐ Dưới 1 năm; ☐ Từ 1 đến 2 năm; ☐ Từ 2 đến 5 năm; ☐ Trên 5 năm	
Nơi làm việc dự kiến: Tỉnh.....	
Quận/huyện/KCN/KKT.....	
Loại hợp đồng LĐ: ☐ Không xác định thời hạn ☐ Xác định thời hạn dưới 12 tháng	
☐ Xác định thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng	
Yêu cầu thêm: ☐ Làm ca; ☐ Đi công tác; ☐ Đi biệt phái	
Hình thức làm việc: ☐ Toàn thời gian; ☐ Bán thời gian	
Mục đích làm việc: ☐ Làm việc lâu dài; ☐ Làm việc tạm thời; ☐ Làm thêm	
Mức lương: - Lương tháng (VN đồng):	
☐ <5 triệu; ☐ 5-10 triệu; ☐ 10-20 triệu;	

☐ 20-50 triệu; ☐ >50 triệu ☐ Lương ngày/ngày ☐ Lương giờ/giờ ☐ Thỏa thuận khi phỏng vấn ☐ Hoa hồng theo doanh thu/sản phẩm	
Chế độ phúc lợi	Hỗ trợ ăn: ☐ 1 bữa; ☐ 2 bữa; ☐ 3 bữa; ☐ Bằng tiền:; ☐ Không hỗ trợ
	☐ Đóng BHXH, BHYT, BHTN; ☐ BH nhân thọ; ☐ Trợ cấp thôi việc; ☐ Nhà trẻ
	☐ Xe đưa đón; ☐ Hỗ trợ đi lại; ☐ Ký túc xá; ☐ Hỗ trợ nhà ở; ☐ Đào tạo
	☐ Lối đi/thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật ☐ Cơ hội thăng tiến
	☐ Khác
Điều kiện làm việc	Nơi làm việc ☐ Trong nhà; ☐ Ngoài trời; ☐ Hỗn hợp
	Trọng lượng nâng ☐ Dưới 5kg ☐ 5 - 20 kg ☐ Trên 20kg
	Đứng hoặc đi lại ☐ Hầu như không có; ☐ Mức trung bình; ☐ Cần đứng/đi lại nhiều
	Nghe nói ☐ Không cần thiết; ☐ Nghe nói cơ bản; ☐ Quan trọng
	Thị lực ☐ Mức bình thường; ☐ Nhìn được vật/chi tiết nhỏ;
	Thao tác bằng tay ☐ Lắp ráp đồ vật lớn; ☐ Lắp ráp đồ vật nhỏ; ☐ Lắp ráp đồ vật rất nhỏ
	Dùng 2 tay ☐ Cần 2 tay; ☐ Đôi khi cần 2 tay; ☐ Chỉ cần 1 tay; ☐ Trái; ☐ Phải
Đối tượng ưu tiên: ☐ Người khuyết tật; ☐ Bộ đội xuất ngũ; ☐ Người thuộc hộ nghèo, cận nghèo ☐ Người dân tộc thiểu số; ☐ Khác (ghi rõ).....	
Hình thức tuyển dụng: ☐ Trực tiếp; ☐ Qua điện thoại; ☐ Phỏng vấn online; ☐ Nộp CV	
Thời hạn tuyển dụng: ngày tháng năm 20.....	
3. Thông tin người liên hệ tuyển dụng	
Họ và tên:.....	Chức vụ:.....
Số điện thoại:.....	Email:.....

Nhận SMS thông báo ứng tuyển		Nhận email thông báo ứng tuyển	
☐ Có	☐ Không	☐ Có	☐ Không
Hình thức liên hệ khác (nếu có):.....			

Ngày.... tháng....năm

Người cung cấp thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Thông tin thu thập sẽ được sử dụng trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc, phục vụ kết nối cung - cầu lao động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

¹ Mã nghề do trung tâm dịch vụ việc làm ghi, mã hóa

PHIẾU THÔNG TIN NGƯỜI TÌM VIỆC

1. Thông tin cá nhân			
Họ và tên:		Số CCCD/CMND:	
Mã số BHXH		Ngày sinh: Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ	
Dân tộc:		Tôn giáo:	
Nơi thường trú: Tỉnh huyện xã			
Địa chỉ cụ thể:			
Nơi ở hiện nay: Tỉnh huyện xã			
Địa chỉ cụ thể:			
2. Trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật			
Trình độ học vấn: ☐ Chưa tốt nghiệp Tiểu học ☐ Tốt nghiệp Tiểu học ☐ Tốt nghiệp Trung học cơ sở ☐ Tốt nghiệp Trung học phổ thông			
Trình độ CMKT cao nhất:	☐ Chưa qua đào tạo	☐ CNKT không bằng	Chuyên ngành đào tạo:
	☐ Chứng chỉ nghề dưới 3 tháng	☐ Sơ cấp	
	☐ Trung cấp	☐ Cao đẳng	
	☐ Đại học	☐ Thạc sĩ	
	☐ Tiến sĩ		
Trình độ CMKT khác:	☐ Chưa qua đào tạo	☐ CNKT không bằng	Chuyên ngành đào tạo:
	☐ Chứng chỉ nghề dưới 3 tháng	☐ Sơ cấp	
	☐ Trung cấp	☐ Cao đẳng	
	☐ Đại học	☐ Thạc sĩ	
	☐ Tiến sĩ		
Trình độ khác	1:		
	2:		
Trình độ kỹ năng nghề (nếu có): Bậc:			

Trình độ ngoại ngữ	Ngoại ngữ 1: Chứng chỉ			
	Khả năng sử dụng: ☐ Tốt ☐ Khá ☐ Trung bình			
	Ngoại ngữ 2: Chứng chỉ			
	Khả năng sử dụng: ☐ Tốt ☐ Khá ☐ Trung bình			
Trình độ tin học	☐ Tin học văn phòng.....			
	Khả năng sử dụng: ☐ Tốt ☐ Khá ☐ Trung bình			
	☐ Khác:			
	Khả năng sử dụng: ☐ Tốt ☐ Khá ☐ Trung bình			
Kỹ năng mềm	☐ Giao tiếp ☐ Thuyết trình ☐ Quản lý thời gian			
	☐ Quản lý nhân sự ☐ Tổng hợp, báo cáo ☐ Thích ứng			
	☐ Làm việc nhóm ☐ Làm việc độc lập ☐ Chịu được áp lực công việc			
	☐ Theo dõi giám sát ☐ Tư duy phản biện			
	☐ Kỹ năng mềm khác:			
3. Kinh nghiệm làm việc (nếu có)				
Tên đơn vị		Chức vụ	Công việc chính	Thời gian
.....				/20..... -...../20.....
.....				/20..... -...../20.....
.....				/20..... -...../20.....
☐ Đã từng làm việc ở nước ngoài tại				
4. Việc làm cần tìm				
Loại hình doanh nghiệp: ☐ Nhà nước ☐ Ngoài nhà nước ☐ Có vốn đầu tư nước ngoài				
Tên công việc:				
Mô tả công việc:				
Mã nghề ¹ :				
Cấp 1:.....		Cấp 2:.....		
Cấp 3:.....		Cấp 4:.....		
Chức vụ*: ☐ Nhân viên ☐ Quản lý ☐ Lãnh đạo				
☐ Khác (ghi rõ):				

☐ Không có ☐ Dưới 1 năm ☐ Từ 1 đến 2 năm ☐ Từ 2 đến 5 năm ☐ Trên 5 năm

Nơi làm việc ưu tiên	Ưu tiên 1: Tỉnh Quận/huyện/KCN/KKT		
	Ưu tiên 2: Tỉnh Quận/huyện/KCN/KKT		
Loại hợp đồng LĐ: ☐ Không xác định thời hạn ☐ Xác định thời hạn			
☐ Hợp đồng theo mùa vụ hoặc công việc nhất định			
Khả năng đáp ứng: ☐ Làm ca ☐ Đi công tác ☐ Đi biệt phái			
Hình thức làm việc: ☐ Toàn thời gian ☐ Bán thời gian			
Mục đích làm việc: ☐ Làm việc lâu dài ☐ Làm việc tạm thời ☐ Làm thêm			
Mức lương*: - Lương tháng:			
☐ Dưới 5 triệu đồng; ☐ 5-10 triệu đồng; ☐ 10-20 triệu đồng;			
☐ 20-50 triệu đồng; ☐ >50 triệu đồng			
- ☐ Lương ngàyđồng/ngày			
- ☐ Lương giờđồng/giờ			
- ☐ Thỏa thuận khi phỏng vấn			
- ☐ Hoa hồng theo doanh thu/sản phẩm			
Chế độ phúc lợi	Hỗ trợ ăn: ☐ 1 bữa ☐ 2 bữa ☐ 3 bữa ☐ Bằng tiền		
	☐ Đóng BHXH, BHYT, BHTN; ☐ BH nhân thọ; ☐ Trợ cấp thôi việc ☐ Nhà trẻ		
	☐ Xe đưa đón ☐ Hỗ trợ đi lại ☐ Ký túc xá ☐ Hỗ trợ nhà ở ☐ Đào tạo		
	☐ Lôi đi/thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật ☐ Cơ hội thăng tiến		
	☐ Khác		
Điều kiện làm việc	Nơi làm việc	☐ Trong nhà; ☐ Ngoài trời; ☐ Hỗn hợp	
	Trọng lượng nâng	☐ Dưới 5kg ☐ 5 - 20 kg ☐ Trên 20kg	
	Đứng hoặc đi lại	☐ Hầu như không có; ☐ Mức trung bình; ☐ Cần đứng/đi lại nhiều	
	Nghe nói	☐ Không cần thiết; ☐ Nghe nói cơ bản; ☐ Quan trọng	
	Thị lực	☐ Mức bình thường; ☐ Nhìn được vật/chi tiết nhỏ;	
	Thao tác bằng tay	☐ Lắp ráp đồ vật lớn; ☐ Lắp ráp đồ vật nhỏ; ☐ Lắp ráp đồ vật rất nhỏ	

	Dùng 2 tay	☐ Cần 2 tay; ☐ Đôi khi cần 2 tay; ☐ Chỉ cần 1 tay; ☐ Trái; ☐ Phải
Sẵn sàng làm việc		☐ Làm việc ngay ☐ Làm việc sau (.....) tháng
Hình thức tuyển dụng		☐ Trực tiếp ☐ Qua điện thoại ☐ Phỏng vấn online ☐ Nộp CV
5. Thông tin liên hệ		Số điện thoại:
		Email:
		Liên hệ khác (nếu có):

Ngày.... tháng....năm

Người cung cấp thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Thông tin thu thập sẽ được sử dụng trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc, phục vụ kết nối cung - cầu lao động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

¹ Mã nghề do trung tâm dịch vụ việc làm ghi, mã hóa

Tỉnh/thành phố:.....
Quận/huyện/thị xã/thành phố:.....
Xã/phường /thị trấn:.....

PHIẾU THÔNG TIN VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

(Thu thập thông tin người lao động từ 15 tuổi trở lên đang cư trú tại địa bàn)

1. Họ, chữ đệm và tên khai sinh:

2. Ngày, tháng, năm sinh:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

3. Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ

4. Số CCCD/CMND⁽¹⁾:.....**5. Mã số BHXH⁽²⁾:**.....

6. Nơi đăng ký thường trú⁽³⁾:

.....

7. Nơi ở hiện tại⁽⁴⁾ (Chỉ thu thập nếu khác nơi đăng ký thường trú):

.....

8. Đối tượng ưu tiên (nếu có): ☐ Người khuyết tật ☐ Thuộc hộ nghèo ☐ Thuộc hộ cận nghèo

☐ Thuộc hộ bị thu hồi đất ☐ Thân nhân của người có công với cách mạng

☐ Dân tộc thiểu số (ghi tên dân tộc):.....

9. Trình độ giáo dục phổ thông cao nhất đã tốt nghiệp/đạt được:

☐ Chưa học xong Tiểu học ☐ Tốt nghiệp Tiểu học ☐ Tốt nghiệp THCS ☐ Tốt nghiệp THPT

10. Trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất đạt được:

☐ Chưa qua đào tạo ☐ CNKT không có bằng ☐ Chứng chỉ nghề dưới 3 tháng

☐ Sơ cấp ☐ Trung cấp ☐ Cao đẳng ☐ Đại học ☐ Trên đại học

10.1. Chuyên ngành đào tạo⁽⁵⁾:.....

11. Tình trạng tham gia hoạt động kinh tế:

☐ Người có việc làm⁽⁶⁾ → Chuyển câu 11

☐ Người thất nghiệp⁽⁷⁾ → Chuyển câu 12

☐ Không tham gia hoạt động kinh tế, lý do: ☐ Đi học ☐ Hưu trí ☐ Nội trợ ☐ Khuyết tật ☐ Khác

12. Người có việc làm:

12.1. Vị thế việc làm: ☐ Chủ cơ sở SXKD ☐ Tự làm ☐ Lao động gia đình ☐ Làm công ăn lương
☐ Xã viên HTX

12.2 Công việc cụ thể đang làm :.....

a. Tham gia BHXH: ☐ Có (Loại: ☐ Bắt buộc ☐ Tự nguyện) ☐ Không

b. Hợp đồng lao động (HĐLĐ): ☐ Có ☐ Không

Loại hợp đồng lao động: ☐ HĐLĐ xác định thời hạn ☐ HĐLĐ không xác định thời hạn.

Thời gian bắt đầu thực hiện HĐLĐ (ngày/tháng/năm):...../...../.....

12.3. Nơi làm việc⁽⁹⁾:.....

a. Loại hình nơi làm việc:

☐ Hộ nông, lâm nghiệp, thủy sản ☐ Cá nhân làm tự do ☐ Cơ sở kinh doanh cá thể ☐ Hợp tác xã

☐ Doanh nghiệp (☐ DN Nhà nước ☐ DN ngoài Nhà nước DN FDI) ☐ Khu vực nhà nước

☐ Đơn vị sự nghiệp ngoài nhà nước ☐ Khu vực nước ngoài ☐ Tổ chức đoàn thể khác

b. Địa chỉ nơi làm việc⁽¹⁰⁾:.....

13. Người thất nghiệp: ☐ Chưa bao giờ làm việc ☐ Đã từng làm việc

13.1. Thời gian thất nghiệp: ☐ Dưới 3 tháng ☐ Từ 3 tháng đến 1 năm ☐ Trên 1 năm

Ngày.... tháng....năm

Người cung cấp thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Ghi số CCCD, trường hợp chưa có số CCCD thì ghi số CMND; Ghi số trên thẻ BHYT đã được cơ quan BHXH cấp;

Ghi rõ theo thứ tự số nhà, đường phố, xóm, làng; thôn, ấp, bản, buôn, phum, sóc; xã/phường/thị trấn; quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh; tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương;

- Ghi chi tiết tên gọi mã cấp III của giáo dục, đào tạo theo quy định tại Phần I Phụ lục danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân tại Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

- Người có việc làm là người có làm bất cứ việc gì (không bị pháp luật cấm) để tạo ra các sản phẩm hàng hóa hoặc cung cấp các dịch vụ nhằm mục đích tạo thu nhập cho bản thân và gia đình;

- Người thất nghiệp là người đang không có việc làm, đang tìm kiếm việc làm và sẵn sàng làm việc;

- Ghi cụ thể tên công việc/ngành nghề nghiệp đang làm theo mã nghề cấp 3 của Phụ lục I tại Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ngày 26/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục nghề nghiệp Việt Nam;

- Ghi tên cụ thể tên cụ thể của người sử dụng lao động (tên cơ quan/đơn vị/tổ chức/doanh nghiệp/hộ kinh doanh/hợp tác xã/cá nhân có thuê mướn). Trường hợp người lao động đánh dấu X vào ☐ Tự làm ở câu 12.1 thì không ghi.

- STT 8, 9, 10, 11, 12, 13: Đánh dấu X vào ☐ tương ứng với nội dung trả lời.